

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/3/2025

"Về Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quang Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Huy Hiệp, bà Đoàn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà An Thị Hà T  
- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025; quyết định hoãn phiên toà số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị H** - sinh năm 1979

Nơi thường trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Số nhà E, Khu C, phường H, thành phố H.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Ngọc H1** - sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

*Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:** Chị và anh Nguyễn Ngọc H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 15/12/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, trong vấn đề quản lý chi tiêu và làm ăn kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn anh H1 đều không kiểm soát được hành vi và lời nói luôn đe dọa chị, làm ảnh hưởng đến tâm lý cũng như công việc của chị. Mâu thuẫn càng tăng nhất từ cuối năm 2022 do quá áp lực trong cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị đã chuyển về Hưng Yên sinh sống và làm việc ở đó, từ đó chị chỉ qua lại hai nơi chứ không chung sống cùng anh H1. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải, động viên nhưng không thành. Trong thời gian sống ly thân chị và anh H1 không gặp

nhau lần nào chỉ liên lạc qua điện thoại nói chuyện cũng không có biện pháp nào để hàn gắn khắc phục mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2024 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H1 không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H2, sinh ngày 02/01/1999, cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị và anh H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình làm việc với Tòa án, quá trình khai tại Tòa án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H1 trình bày:*** Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn thống nhất như phân trình bày của chị H. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 10/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có một số bất đồng trong quan điểm sống và cách làm ăn kinh tế, chị H có tham gia bán hàng đa cấp, anh đã khuyên bảo nhưng chị H không nghe, vì thế vợ chồng đã xảy ra cãi vã. Anh đã nhiều lần nói chuyện với chị H để hai bên thống nhất ý kiến, khắc phục mâu thuẫn, hai bên gia đình cũng khuyên giải nhưng chị H không nghe. Hiện chị H đang sinh sống tại Khu C, phường H, thành phố H, anh đang sinh sống tại thôn L, xã H, huyện T nhưng vợ chồng vẫn gặp nhau để bàn công việc gia đình. Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ tháng 10/2024 nhưng không lớn, chị H xác định vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019 là không đúng vì tháng 8/2024 vợ chồng vẫn thỏa thuận cùng góp tiền để mua nhà. Vợ chồng không chung sống cùng nhau từ tháng 10/2024, mỗi người ở một nơi và sống ly thân từ đó đến nay. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị H vẫn còn, anh mong muốn chị H suy nghĩ lại và rút đơn về vợ chồng đoàn tụ. Chị H xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn, việc chị H xin ly hôn là do chị H, dù thế nào đi nữa anh vẫn không nhất trí ly hôn.

Về con chung: anh và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H2, sinh ngày 02/01/1999, đã trưởng thành có việc làm nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, vay nợ, công sức: anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của người thân gia đình chị H là bà Nguyễn Thị Hồng S trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H. Quá trình chung sống, thời gian gần đây chị H và anh H1 đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì bà không nắm được vì chị H không nói chuyện với bà, anh chị sống ly thân được vài tháng. Nay chị H xin ly hôn anh H1, bà đề nghị Tòa án tạo điều kiện để anh H1, chị H hòa giải với nhau. Nếu anh chị ấy không hòa giải được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Anh H1, chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H2, sinh ngày 02/01/1999, đã trưởng thành có việc làm. Quá trình chung sống anh H1, chị H không có công sức đóng góp với bà.

Lời khai của người thân gia đình anh H1 là bà Vũ Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Ngọc H1. Trong thời gian chung sống anh H1, chị H có mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày nhưng chưa đến mức nghiêm trọng. Hiện nay anh H1, chị H sống mỗi người một nơi và vợ chồng sống ly thân được vài tháng nay. Chị H xin ly hôn anh H1, bà đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho anh chị về đoàn tụ. Anh H1, chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H2, sinh ngày 02/01/1999, đã trưởng thành có việc làm. Quá trình chung sống anh H1, chị H không có công sức đóng góp với ông bà.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã H: anh H1, chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T ngày 15/12/1997. Trong thời gian chung sống anh H1, chị H có xảy ra mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn của anh H1, chị H cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được, khi mâu thuẫn anh chị không mời địa phương và các đoàn thể hòa giải. Nay, chị H xin ly hôn anh H1, đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp đúng quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H1.

*Về con chung:* Đã trưởng thành, không phải giải quyết.

*Về tài sản chung, vay nợ, công sức:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc H1 không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí số BLTU/23 số 0006804 ngày 22/11/2024 chị đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc H1 là bị đơn; Nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị H nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh H1 vắng mặt không có lý do, chị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 15/12/1997. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của chị H phù hợp với lời khai của anh H1 và lời trình bày của người thân hai bên gia đình, nên có cơ sở xác định: Trong quá trình chung sống, chị H, anh H1 có mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2024 mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị H xác định tình cảm giữa chị và anh H1 không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn anh H1. Anh H1 xác định tình cảm giữa anh và chị H vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn. Anh H1 mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng trong thời gian sống ly thân anh không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên và các đoàn thể của thôn xã hoà giải. Nhận thấy hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H, do vậy xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H1 là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H, anh H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H2, sinh ngày 02/01/1999, đã trưởng thành và có việc làm anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Ngọc H1, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Luật phí, lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H1.

2- *Về con chung*: Đã trưởng thành, không phải giải quyết.

3- *Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 số: 0006804 ngày 22/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện;  
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Đào Quang Khuyến***